



ISSN 1859 - 2171

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
THAI NGUYEN UNIVERSITY

TẠP CHÍ
KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ
JOURNAL OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

SỐ ĐẶC BIỆT CHÀO MỪNG 87 NĂM THÀNH LẬP HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM

CHUYÊN SAN KHOA HỌC XÃ HỘI - NHÂN VĂN - KINH TẾ
SOCIAL SCIENCES - HUMANITIES - ECONOMICS

Tập 172, số 12/2, 2017

CHUYÊN SAN KHOA HỌC XÃ HỘI – NHÂN VĂN – KINH TẾ

Mục lục	Trang
Hà Xuân Hương - Thân phận người phụ nữ trong dân ca trữ tình sinh hoạt Tày, Thái	3
Ngô Thị Thu Trang - Một số biện pháp nâng cao năng lực sử dụng từ Hán Việt cho học sinh phổ thông	9
Nguyễn Thị Hà, Vũ Thị Hồng Hoa - Nâng cao tỷ lệ nữ trong các cơ quan dân cử	15
Nguyễn Thu Hà, Nguyễn Thị Mai Hương, An Thị Thư, Nguyễn Thị Hồng - Phát triển chuẩn mực kế toán Việt Nam theo hướng chuẩn mực kế toán quốc tế	21
Nguyễn Thị Hòa - Sử dụng tuyển tập “Những lá thư thời chiến Việt Nam” trong giáo dục lịch sử	27
Nguyễn Thị Xuân Thu, Phạm Ngọc Duy - Những tác động của việc sử dụng sơ đồ ngữ nghĩa đối với khả năng ghi nhớ từ vựng tiếng Anh chuyên ngành của sinh viên trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp – Đại học Thái Nguyên	33
Vũ Kiều Hạnh, Hoàng Thị Cương - Nghiên cứu kỹ năng đọc của sinh viên năm thứ 2 tại trường Đại học Nông Lâm – Đại học Thái Nguyên, cơ sở để thiết kế các hoạt động rèn luyện tăng cường	39
Nguyễn Thị Thu Hương - Bảo vệ quyền nhân thân cho lao động chưa thành niên theo pháp luật Việt Nam	45
Nguyễn Thị Thắm - Hành trình tìm kiếm hạnh phúc của nhân vật nữ trong <i>Những nẻo đường đời và những bản tình ca khác</i> của Le Clézio	51
Lê Thị Lưu, Trần Bảo Ngọc, Bùi Thanh Thủy và cộng sự - Nhận thức của sinh viên cử nhân điều dưỡng về môi trường giáo dục tại trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên bằng bảng hỏi DREEM	57
Bùi Thị Minh Hà, Nguyễn Hữu Thọ - Nhận thức của nông hộ về biến đổi khí hậu và tác động của biến đổi khí hậu tới sản xuất chè - Trường hợp nghiên cứu: Vùng chè Tân Cương thành phố Thái Nguyên	63
Dương Thanh Tinh, Trần Văn Quyết, Nguyễn Ngọc Lý, Nguyễn Việt Dũng - Giải quyết việc làm cho lao động dân tộc thiểu số thông qua phát triển chuỗi liên kết tiêu thụ các sản phẩm từ cây quế tại huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái	69
Nguyễn Thu Nga, Đỗ Thị Tuyết Mai, Nguyễn Thị Diệu Hồng - Sử dụng hàm Cobb - Douglas tuyến tính để đánh giá hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng Việt Nam	75
Phùng Thanh Hoa, Bùi Thị Thanh Thủy - Tác động của kinh tế thị trường đến nông thôn Việt Nam hiện nay	81
Hoàng Thị Mỹ Hạnh, Sombath Kingbounkai - Quá trình di cư của người Việt đến Lào và định cư tại tỉnh Luangprabang nước CHDCND Lào	87
Vi Thị Phương - Sử dụng báo chí vào công cuộc xây dựng nền văn hóa mới ở Việt Nam, nhìn từ góc độ tạp chí <i>Tao Đàn</i> (1939)	93
Nguyễn Thị Minh Loan - Đề xuất mô hình tập huấn dạy đặt câu hỏi trong kỹ năng đọc hiểu	99
Nguyễn Thị Bích Ngọc - Đánh giá nội dung và việc giảng dạy học phần bút ngữ tiếng Anh trung cao cấp 2 tại Khoa Ngoại ngữ, Đại học Thái Nguyên xét từ góc độ sinh viên	105
Nguyễn Mai Linh, Trần Minh Thành, Dương Thị Hồng An - Kết hợp sử dụng hồ sơ học tập (Portfolio) và thuyết trình nhóm trong dạy và học các khóa học tiếng Anh chuyên ngành tiếp cận hậu phương pháp luận	111
Trần Thị Kim Hoa - Phát triển năng lực sử dụng từ tiếng Việt cho học sinh tiểu học người dân tộc thiểu số qua các bài tập về từ	117
Trần Tú Hoài - Một số nội dung cơ bản của chính sách phát triển giảng viên qua thực tiễn tại trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên	121
Phạm Thị Huyền, Vũ Thị Thủy - Rèn luyện phong cách làm việc quần chúng của người cán bộ theo phong cách Hồ Chí Minh	127

Tổng Thị Phương Thảo - Bảo vệ quyền của lao động nữ khi mang thai, sinh con và nuôi con nhỏ theo pháp luật lao động Việt Nam	131
Lương Thị Hạnh - Vai trò của phụ nữ dân tộc thiểu số trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bắc Kạn	137
Nguyễn Thị Thanh Hà, Nguyễn Thị Thu Hiền - Một số vấn đề về việc xây dựng lối sống mới cho sinh viên Việt Nam hiện nay	143
Hồ Lương Xinh, Nguyễn Thị Yến, Nguyễn Thị Giang, Lưu Thị Thùy Linh, Bùi Thị Thanh Tâm, Nguyễn Mạnh Thắng - Xác suất cải thiện thu nhập của hộ nông dân sau thu hồi đất nông nghiệp tại các khu công nghiệp tỉnh Thái Nguyên	149
Đinh Ngọc Lan, Đoàn Thị Thanh Hiền, Dương Tuấn Việt - Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sản xuất và tiêu thụ miến dong tại huyện Nguyên Bình- tỉnh Cao Bằng	155
Đỗ Thị Hà Phương, Chu Thị Hà, Nguyễn Thị Giang, Dương Xuân Lâm - Tác động của vốn xã hội và công nghệ thông tin đến dự định chia sẻ tri thức và hành vi chia sẻ tri thức của cán bộ giảng viên tại Đại học Thái Nguyên	161
Nguyễn Thị Hiền Thương, Dương Thị Thu Hoài, Cù Ngọc Bắc, Kiều Thu Hương, Vũ Thị Hải Anh - Sự tham gia của người dân trong việc thực hiện các tiêu chí cơ sở hạ tầng - chương trình xây dựng nông thôn mới tại huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên	169
Vũ Bạch Diệp, Mai Việt Anh - Huy động vốn cho phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn thành phố Thái Nguyên, thực trạng và một số giải pháp	175
Nguyễn Thị Ngọc Anh, Hoàng Huyền Trang - Thiết kế và sử dụng các trò chơi học tập nhằm nâng cao hiệu quả dạy học môn khẩu ngữ cao cấp cho sinh viên Trung Quốc tại Khoa Ngoại ngữ, Đại học Thái Nguyên	181
Trần Thị Yến, Khổng Thị Thanh Huyền - Những lỗi về câu thường gặp trong bài viết tiếng Anh học thuật của sinh viên Việt Nam chuyên ngành tiếng Anh: Thực trạng, nguyên nhân và giải pháp	187
Hà Thị Thanh Hoa, Chu Thị Kim Ngân, Dương Thị Thúy Hương - Mức độ hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ mạng di động Vinaphone tỉnh Thái Nguyên	193
Vũ Thị Loan, Vũ Thị Hậu - Vai trò của giá cổ phiếu đối với dự báo khó khăn tài chính doanh nghiệp: Mô hình SVM	199
Hồ Thị Mai Phương, Hoàng Thị Tú, Trần Nguyệt Anh - Thiết kế và tổ chức trò chơi học tập trong hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mẫu giáo	205
Đồng Thị Hồng Ngọc, Nguyễn Quỳnh Hoa, Nguyễn Thị Thu Hường, Hoàng Thanh Hải, Nguyễn Thị Thu Hằng - Ứng dụng mô hình logistic xếp hạng tín dụng doanh nghiệp xây dựng niềm yết tại Việt Nam	211
Hà Thị Hòa, Hồ Ngọc Sơn - Phân tích chuỗi giá trị qua các kênh tiêu thụ sản phẩm Sơn tra tại Yên Bái	219

NHẬN THỨC CỦA NÔNG HỘ VỀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ TÁC ĐỘNG CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TỚI SẢN XUẤT CHÈ Trường hợp nghiên cứu: Vùng chè Tân Cương thành phố Thái Nguyên

Bùi Thị Minh Hà*, Nguyễn Hữu Thọ
Trường Đại học Nông Lâm – ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Mục tiêu của nghiên cứu này nhằm tìm hiểu nhận thức của nông hộ thuộc vùng chè Tân Cương thành phố Thái Nguyên về biến đổi khí hậu và tác động của biến đổi khí hậu đến sản xuất chè tại địa phương. Số liệu nghiên cứu được thu thập từ 360 nông hộ sản xuất chè trên địa bàn 3 xã thuộc vùng chè Tân Cương (xã Phúc Xuân, xã Phúc Triu, xã Tân Cương). Kết quả khảo sát cho thấy, nguồn cung cấp thông tin về biến đổi khí hậu được nông hộ tiếp nhận chủ yếu qua Ti vi/đài. Mặc dù hiểu biết và kiến thức về biến đổi khí hậu còn những hạn chế nhưng đa phần các nông hộ đều đã cảm nhận được những bất thường của thời tiết, khí hậu và nhận định biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng trong tương lai, sẽ gây ra những ảnh hưởng nghiêm trọng đối với sản xuất chè, đáng lo ngại là hai yếu tố liên quan đến biến đổi khí hậu là khô hạn và nắng nóng kéo dài.

Từ khóa: Nhận thức, nông hộ, biến đổi khí hậu, sản xuất chè, Thái Nguyên

ĐẶT VẤN ĐỀ

Biến đổi khí hậu (BĐKH) được xem là một trong những thách thức lớn nhất của nhân loại trong thế kỷ 21, biểu hiện chính là sự gia tăng nhiệt độ toàn cầu và mực nước biển dâng [1]. Với những tác động tiềm tàng trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, xã hội và môi trường, biến đổi khí hậu đang là một trong những vấn đề lớn ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của các quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam [2] [3].

Là một trong năm quốc gia trên thế giới được dự báo sẽ chịu tác động nặng nề của BĐKH, Chính phủ Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách nhằm chủ động ứng phó với BĐKH [2]. Cùng với những nỗ lực của chính phủ và các cơ quan ban ngành thì còn rất cần có sự tham gia chủ động của người dân trong các hoạt động ứng phó [4].

Vùng chè Tân Cương là một trong ba vùng chè trọng điểm của tỉnh Thái Nguyên, với diện tích khoảng 1.300 ha trong đó có hơn 1.100 ha đã cho thu hoạch, năng suất bình quân ước đạt trên 150 tạ/ha. Sản xuất chè ở Tân Cương nhiều năm qua không chỉ đem lại giá trị về kinh tế mà còn mang tính văn hoá xã hội sâu sắc, tạo việc làm cho hàng chục nghìn lao

động tại địa phương. Mặc dù đã tạo dựng và được biết đến là vùng “Đệ nhất danh trà” nhưng vùng chè Tân Cương vẫn đang gặp không ít khó khăn trong sản xuất, trong đó có nguyên nhân từ các yếu tố tự nhiên do BĐKH gây ra.

Nhận thức và đánh giá của nông hộ về BĐKH và tác động của BĐKH sẽ là cơ sở quan trọng để tìm ra các giải pháp ứng phó phù hợp, hỗ trợ nông hộ sản xuất hiệu quả trong điều kiện BĐKH ngày một gia tăng.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp thập số liệu

Số liệu thứ cấp: Các số liệu thứ cấp được thu thập nhằm phân tích các kiến thức liên quan đến BĐKH: khái niệm, nguyên nhân, tác động của BĐKH tới lĩnh vực nông lâm nghiệp. Số liệu liên quan đến thời tiết khí hậu tại địa phương trong vòng 15 năm trở lại đây.

Số liệu sơ cấp: Được thu thập bằng cách sử dụng phương pháp đánh giá nông thôn có sự tham gia (PRA), phương pháp phỏng vấn sâu, phỏng vấn theo bảng hỏi và thảo luận nhóm. Đề tài tiến hành phỏng vấn các hộ dân trồng chè tại ba xã thuộc vùng chè Tân Cương, thành phố Thái Nguyên. Trong nghiên cứu dung lượng mẫu điều tra được tính toán dựa trên công thức Slovin:

* Tel: 0912 804904; Email: buithiminhha@tuaf.edu.vn

$$n = \frac{N}{(1+N\%2)}$$

Trong đó:

n: số lượng hộ cần tiến hành điều tra;

e: sai số cho phép là $\pm 5\%$.

Kết quả tính toán số hộ cần điều tra theo công thức Slovin được làm tròn là 363 hộ. Nội dung phỏng vấn liên quan đến nhận thức của người dân về BĐKH và đánh giá của người dân về tác động của BĐKH tới sản xuất chè.

Phương pháp phân tích số liệu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích thống kê nhằm mô tả các số liệu và thông tin đã thu thập được làm cơ sở để phân tích và kết luận. Nghiên cứu cũng sử dụng giá trị trung bình, phần trăm của các biến nghiên cứu để mô tả các vấn đề có liên quan. Các kết quả nghiên cứu được trình bày dưới dạng bảng thống kê và biểu đồ.

Số liệu được lưu giữ và xử lý bằng phần mềm Excel và SPSS.

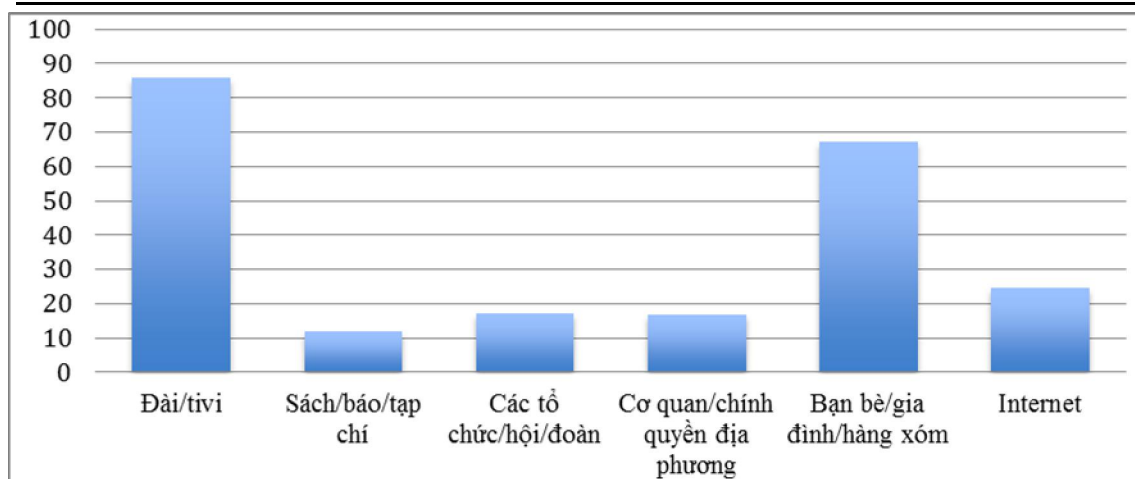
KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Thông tin chung của đối tượng khảo sát

Trong 360 nông hộ tham gia khảo sát, chủ hộ là nam giới chiếm 69,86 % và chủ hộ là phụ nữ là 30,14%; Độ tuổi bình quân chủ hộ là 48 tuổi, đây là độ tuổi có sức khỏe tốt, có tích lũy kinh nghiệm sản xuất lẫn kinh nghiệm cuộc sống. Các chủ hộ phần lớn đã tốt nghiệp PTTH (71,60%), đây là điều kiện tốt để cung cấp thông tin khách quan và chính xác cho nghiên cứu; Diện tích đất sản xuất của các hộ bình quân 8,73 sào/hộ trong đó có đến 68,56% (khoảng 6 sào/hộ) là diện tích đất trồng chè, như vậy có thể thấy sản xuất chè là nguồn thu nhập chính của hộ (Bảng 1).

Bảng 1. Đặc điểm chung của các hộ khảo sát tại vùng chè Tân Cương

Đặc điểm	Đơn vị tính	Xã Phúc Trìu (n=132)	Xã Tân Cương (n=117)	Xã Phúc Xuân (n=111)	BQ (n=360)
Chủ hộ là nam	%	69,97	72,17	67,44	69,86
Chủ hộ là nữ	%	30,03	27,83	32,56	30,14
Chủ hộ TN PTTH	%	69,20	72,50	73,10	71,60
Tuổi BQ chủ hộ	Tuổi	47,40	45,80	51,20	48,13
LĐ chính BQ/hộ	Lao động	1,66	1,51	1,34	1,50
DT đất SX BQ/hộ	sào	8,45	7,30	10,5	8,75
Tỷ lệ đất chè BQ/hộ	%	66,25	68,37	71,06	68,56



Hình 1. Các kênh cung cấp thông tin về BĐKH tại địa phương (ĐVT:%)

Nhận thức của nông hộ về BĐKH***Nguồn cung cấp thông tin và mức độ theo dõi thông tin liên quan đến BĐKH***

Theo kết quả khảo sát, thông tin về BĐKH chủ yếu được biết đến thông qua hai kênh chính là *Ti vi/đài phát thanh* (85,83%) và *Gia đình/bạn bè /hàng xóm* (67,31%). Trong khi đó, tỷ lệ nông hộ tiếp nhận thông tin về BĐKH từ *Các tổ chức, đoàn thể xã hội* (hội phụ nữ, đoàn thanh niên, hội nông dân...) và *Cơ quan quản lý nhà nước/chính quyền* tại địa phương còn thấp với tỷ lệ lần lượt là 17,12 % và 16,67%. Internet là nguồn cung cấp thông tin rất nhanh chóng và phong phú nhưng cũng mới chỉ có 24,48% nông hộ tiếp cận thông tin qua kênh này (Hình 1).

Kết quả khảo sát về mức độ quan tâm theo dõi đến các thông tin về BĐKH cũng cho thấy, có 42,43% nông hộ *thường xuyên* quan

tâm theo dõi đến thông tin về BĐKH; 28,20% nông hộ *không thường xuyên* theo dõi và 29,37% *không quan tâm* đến thông tin về BĐKH.

Nhận biết của nông hộ về biến đổi khí hậu

Có đến 82,97% số nông hộ được khảo sát cho rằng nguyên nhân của BKKH mang tính chất tự nhiên và chỉ có 14,77 % số nông hộ được khảo sát nhận thức rằng BĐKH có nguyên nhân do hệ quả từ các hoạt động của con người mang lại, số còn lại (5,4 %) không biết nguyên nhân tại sao. Như vậy có thể thấy rằng sự hiểu biết của đa phần nông hộ được khảo sát về BĐKH còn hạn chế, chưa ý thức được hậu quả do các hoạt động của con người mới là nguyên nhân chính dẫn đến BĐKH, đây cũng chính là nguyên nhân dẫn đến những hạn chế của nông hộ trong các hoạt động sản xuất [5].

Bảng 2. *Hiểu biết của nông hộ vùng chè Tân Cương về biến đổi khí hậu*

Diễn giải	Xã Phúc Trìu	Xã Tân Cương	Xã Phúc Xuân	BQ
Tiếp cận vấn đề BĐKH				
Đã nghe – hiểu về BĐKH	58,85	70,09	67,57	65,50
Đã nghe – không hiểu	19,70	12,82	18,92	17,15
Chưa nghe về BĐKH	20,45	10,09	13,51	14,68
Yếu tố có trong BĐKH ở địa phương				
Nắng nóng	56,06	58,12	60,28	60,28
Mưa lớn	59,09	57,26	62,51	62,51
Hạn hán	56,82	70,09	69,63	69,63
Lũ lụt	50,76	76,52	63,15	63,15
Thời tiết bất thường	57,58	52,14	51,29	51,29
Khác	11,36	-	6,31	5,89
Nguyên nhân của BĐKH				
Tự nhiên	79,51	83,23	86,18	82,97
Con người	15,90	14,59	13,82	14,77
Không biết	4,54	2,57	9,09	5,40
Dấu hiệu của BĐKH				
Dễ nhận biết	74,21	74,65	75,40	74,76
Khó nhận biết	15,90	14,59	14,36	14,95
Không nhận biết được	9,89	10,76	10,23	13,48
Diễn biến thời tiết/khí hậu (so với những năm trước)				
Bất thường (xấu hơn)	83,30	82,37	82,59	82,75
Tốt hơn	4,54	7,72	6,28	6,18
Bình thường	12,16	9,90	11,13	11,46
Xu hướng thời tiết/khí hậu (trong các năm tiếp theo)				
Bất thường (xấu hơn)	90,96	90,96	91,56	91,38
Tốt hơn	4,54	7,72	6,28	6,18
Bình thường	3,83	1,32	2,15	2,44

Đa số đối tượng khảo sát (74,76%) đều đã cảm nhận được những thay đổi của thời tiết khí hậu so với qui luật tự nhiên. Số còn lại 14,95% số nông hộ cho rằng các dấu hiệu không rõ ràng và số nông hộ cho rằng không nhận biết được là 13,48%.

Kết quả khảo sát ý kiến của nông hộ về diễn biến thời tiết, khí hậu có 82,75% số nông hộ được khảo sát cho rằng thời tiết khí hậu hiện nay có diễn biến xấu và bất thường hơn so với những năm trước và có đến hơn 91% số nông hộ được khảo sát cho rằng thời tiết khí hậu sẽ còn diễn biến bất thường và phức tạp hơn trong tương lai, đặc biệt là sự nóng lên và hạn hán dẫn đến thiếu nước sinh hoạt và sản xuất (Bảng 2).

Đánh giá của nông hộ về tác động của biến đổi khí hậu đến sản xuất chè

Theo đánh giá của 71,74% số nông hộ tham gia khảo sát, BĐKH có tác động nhiều đến

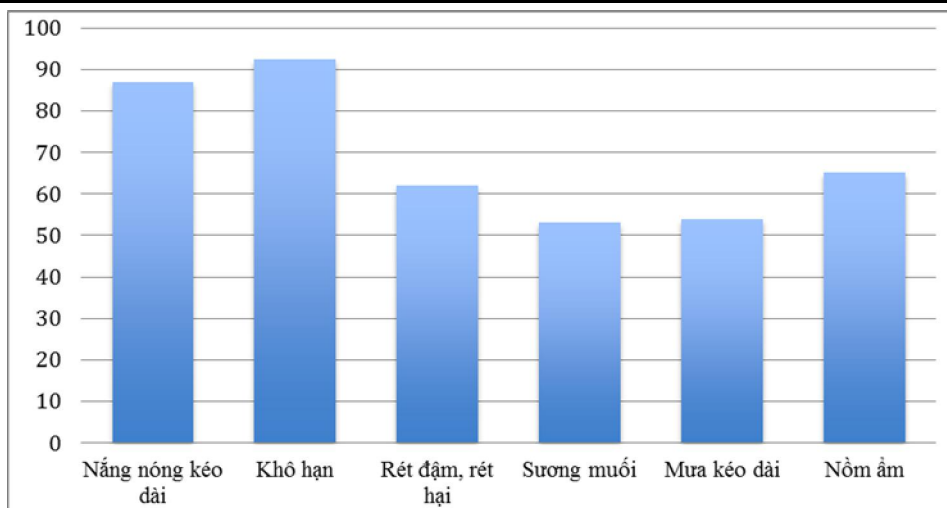
sản xuất chè và chỉ có 4,44% số nông hộ khảo sát cho rằng BĐKH không có tác động gì tới sản xuất chè. Các tác động của BĐKH được 92,24 % số nông hộ khảo sát nhận định là những tác động tiêu cực, bất lợi tới sản xuất chè, chỉ có 7,76 % số nông hộ cho rằng đó là những tác động tích cực, hỗ trợ cho sản xuất chè phát triển (Bảng 3).

Đánh giá về mức độ ảnh hưởng của các yếu tố có trong BĐKH đến sản xuất chè tại địa phương, có đến 92,4% nông hộ nhận định rằng yếu tố khô hạn có tác động nghiêm trọng nhất, đứng thứ hai là nắng nóng kéo dài (86,97%). Tiếp theo là hiện tượng nồm ẩm và rét đậm rét, rét hại với mức độ đánh giá là 65,23% và 62,00%. Sương muối và mưa kéo dài cũng là những yếu tố được các đối tượng khảo sát cho rằng mức độ ảnh hưởng tương đương nhau 53-54%. (Hình 2)

Bảng 3. Tác động của BĐKH tới sản xuất chè của nông hộ tại vùng chè Tân Cương

Đơn vị tính: %

Diễn giải	Xã Phúc Triu	Xã Tân Cương	Xã Phúc Xuân	BQ
Mức độ tác động				
Không tác động	4,55	427	4,50	4,44
Tác động ít	25,00	23,93	22,52	23,82
Tác động nhiều	70,45	71,79	72,97	71,74
Tính chất tác động				
Tác động tích cực	7,58	9,04	6,31	7,76
Tác động tiêu cực	92,42	90,60	93,69	92,24



Hình 2. Các yếu tố trong biến đổi khí hậu ảnh hưởng đến sản xuất chè (ĐVT: %)

Bảng 4. *Khía cạnh tác động của BĐKH tới sản xuất chè của nông hộ vùng chè Tân Cương*

Đơn vị tính: %

Diễn giải	Xã Phúc Trìu	Xã Tân Cương	Xã Phúc Xuân	BQ
Năng suất	69,70	73,50	69,37	70,86
Chất lượng	93,94	95,73	96,40	95,35
Diện tích	46,21	67,52	78,38	64,04
Dịch bệnh	67,42	84,62	78,38	76,81
Chi phí sản xuất	56,82	74,36	79,28	70,15

Khảo sát cụ thể các khía cạnh tác động của BĐKH tới sản xuất chè cho kết quả: 95,35% số nông hộ khảo sát cho rằng BĐKH làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm chè. Điều này phù hợp với thực tế do chất lượng chè Thái Nguyên có được do điều kiện tự nhiên ưu đãi, nhưng do diễn biến của BĐKH sẽ làm thay đổi điều kiện sinh thái, tự nhiên của địa phương dẫn đến ảnh hưởng tới chất lượng sản phẩm chè. Ngoài ra trên 64% các nông hộ khảo sát đều cho rằng BĐKH tác động xấu đến sản xuất chè như tăng dịch bệnh, giảm năng suất, giảm diện tích chè, tăng chi phí cho sản xuất dẫn đến giảm hiệu quả sản xuất gây khó khăn cho sinh kế của người dân (bảng 4).

KẾT LUẬN

BĐKH không còn là vấn đề mới mẻ, xa lạ với người dân hiện nay bởi đa số đối tượng khảo sát đã tiếp cận với chủ đề này, tuy nhiên đa phần họ chưa hiểu rõ, hiểu đúng về bản chất của BĐKH và chưa hiểu được nguyên nhân chính dẫn đến BĐKH gắn liền với con người và do con người gây ra.

Các kênh thông tin ở địa phương rất đa dạng, tuy nhiên người dân vẫn chủ yếu tiếp cận thông tin qua ti vi/đài phát thanh và một kênh thông tin mang ý nghĩa truyền thống, cộng đồng là trao đổi thông tin qua các mối quan hệ gia đình/làng xóm.

Thông qua kết quả khảo sát cũng cho thấy, mặc dù kiến thức về BĐKH còn hạn chế nhưng hầu như các nông hộ đã cảm nhận được BĐKH đang diễn ra và ngày càng phức tạp. Đánh giá của nông hộ là tác động BĐKH gây bất lợi sản xuất chè tại địa phương hiện

tại cũng như trong tương lai. Trước diễn biến của BĐKH, lo lắng của người dân là vấn đề chất lượng của sản phẩm chè. Bởi lẽ chè Tân Cương có hương vị đậm đà, thơm ngon một phần do thiên nhiên ưu đãi, sự thay đổi bất thường, cực đoan của thời tiết, khí hậu chính là tác nhân quan trọng ảnh hưởng đến chất lượng của sản phẩm chè.

Nhận thức về BĐKH của nông hộ có vai trò rất lớn trong việc ứng phó với BĐKH. Thông qua kết quả nghiên cứu, chúng tôi xin có một số kiến nghị như sau:

1) *Đối với nông hộ:* Cần tích cực cập nhật, nắm bắt thông tin về BĐKH để nâng cao nhận thức về BĐKH và chủ động phòng tránh những tác động bất thường do thời tiết khí hậu cực đoan gây ra trong sản xuất.

2) *Đối với các cấp chính quyền tại địa phương:* Chú trọng, nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác truyền thông về BĐKH tới người dân, hỗ trợ để người dân hiểu và nâng cao ý thức trong các hoạt động của mình để bảo vệ môi trường, phòng tránh thiên tai và tăng khả thích ứng trong điều kiện BĐKH.

3) *Đối với các nhà nghiên cứu:* Dựa trên cơ sở kết quả khảo sát này tiếp tục nghiên cứu tìm ra các giải pháp hỗ trợ người dân sản xuất chè thích ứng với điều kiện BĐKH ngày một gia tăng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Mai Thanh Sơn, Lê Đình Phùng, Lê Đức Thịnh (2011), *Biến đổi khí hậu: tác động, khả năng ứng phó và một số vấn đề về chính sách - Nghiên cứu trường hợp đồng bào các dân tộc vùng núi cao phía Bắc Việt Nam*, CARE, Hà Nội.
2. Phan Văn Tân, Ngô Đức Thành (2013), “Biến đổi khí hậu ở Việt Nam - Một số kết quả nghiên

cứu”, *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội*, 29(2), tr. 42-55.

3. Trương Quang Học, Phạm Đức Ngữ (2009), *Một số điều cần biết về biến đổi khí hậu*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật.

4. Viện Môi trường nông nghiệp (2009), *Phân tích tác động của biến đổi khí hậu đến nông*

ng nghiệp Việt Nam, đề xuất các biện pháp thích ứng và chính sách giảm thiểu. Báo cáo cuối cùng.

5. Võ Văn Tuấn, Lê Cảnh Dũng, Võ Văn Hà và Đặng Kiều Nhân (2014), “Khả năng thích ứng của nông dân đối với biến đổi khí hậu ở Đồng Bằng sông Cửu Long”, *Tạp chí Khoa học Công nghệ Đại học Cần Thơ*, 31, tr. 63-72.

SUMMARY

AWARENESS OF HOUSEHOLD ON CLIMATE CHANGE AND ITS EFFECTIVENESS ON TEA CULTIVATION: A CASE STUDY IN TAN CUONG TEA AREA, THAI NGUYEN CITY

Bui Thi Minh Ha*, Nguyen Huu Tho

University of Agriculture and Forestry - TNU

The objective of this study were to find out the awareness of households in Tan Cuong tea area on climate change and its effectiveness on tea cultivation, quality and production. There were 360 households in three communes (Phuc Xuan, Phuc Triu and Tan Cuong commune) which were surveyed. The result shown that the households received information on climate change mostly from TV and Radio. Although the knowledge of household on climate change were really limmited, they still awared of unusual of weather and they known that the effectiveness of climate change have been rapidly turned over. As a result, these have been leading to the nagative effect on tea cultivation, quality and production .

Key words: *awareness, household, climate change, tea cultivation, Thai Nguyen*

Ngày nhận bài: 01/9/2017; Ngày phản biện: 03/10/2017; Ngày duyệt đăng: 16/10/2017

* Tel: 0912 804904; Email: buithiminhha@tuaf.edu.vn

SOCIAL SCIENCE – HUMANITIES – ECONOMICS

Content	Page
Ha Xuan Huong - Women's situations in Thai and Tay's folk songs	3
Ngo Thi Thu Trang - Some measures that need to be implemented to enhance students' ability in terms of using Sino – Vietnamese words	9
Nguyen Thi Ha, Vu Thi Hong Hoa - Enhancing the proportion of female in people's elected bodies	15
Nguyen Thu Ha, Nguyen Thi Mai Huong, An Thi Thu, Nguyen Thi Hong - Developing vietnamese accounting standards towards international accounting standards	21
Nguyen Thi Hoa - Using collection "Vietnam wartime letters" in historical education	27
Nguyen Thi Xuan Thu, Pham Ngoc Duy - Effects of using semantic mapping on ESP vocabulary retention of the students at University of Technology – Thai Nguyen University	33
Vu Kieu Hanh, Hoang Thi Cuong - English reading skill of the second-year students at University of Agriculture and Forestry – Thai Nguyen University: basis for enhancement activities	39
Nguyen Thi Thu Huong - Protection of personal rights for juvenile labor in Vietnam law	45
Nguyen Thi Tham - The journey to search for happiness of female characters in the short stories <i>Cœur brûlé et autres romances</i> of Le Clézio	51
Le Thi Luu, Tran Bao Ngoc, Bui Thanh Thuy et al - The bachelor of nursing students' perception of educational environment at University of Medicine and Pharmacy - Thai Nguyen University by DREEM questionnaire	57
Bui Thi Minh Ha, Nguyen Huu Tho - Awareness of household on climate change and its effectiveness on tea cultivation: a case study in Tan Cuong tea area, Thai Nguyen city	63
Duong Thanh Tinh, Tran Van Quyet, Nguyen Ngoc Ly, Nguyen Viet Dung - Employment creation potential for ethnic minorities through value chain development of cinnamon products in the northern mountainous region of Vietnam - a case study of Van Yen district, Yen Bai province	69
Nguyen Thu Nga, Do Thi Tuyen Mai, Nguyen Thi Dieu Hong - Applying Cobb-Douglas linear function to measure the efficiency of Vietnam commercial banks	75
Phung Thanh Hoa, Bui Thi Thanh Thuy - The impact of market economy on rural Viet Nam at present	81
Hoang Thi My Hanh, Sombath Kingbounkai - The migration process of Vietnamese to Laos and location in Luangprabang province of Laos	87
Vi Thi Phuong - Using press to the new construction of building culture in Vietnam, look at the <i>Tao Dan</i> magazine (1939)	93
Nguyen Thi Minh Loan - A proposed model for question generation instruction in reading comprehension	99
Nguyen Thi Bich Ngoc - English written proficiency – upper intermediate 2 (EWU241): students' evaluation of the course content and teaching activities at the School of Foreign Languages, Thai Nguyen University	105
Nguyen Mai Linh, Tran Minh Thanh, Duong Thi Hong An - Portfolio development and group presentation for ESP courses toward postmethod	111
Tran Thi Kim Hoa - Developing the ability of using Vietnamese for ethnic minority elementary school pupils through vocab exercises	117
Tran Tu Hoai - The main points of "lecturers development" policy that were taken in University of Education – Thai Nguyen University	121
Pham Thi Huyen, Vu Thi Thuy - Training the working style manner of cadres following Ho Chi Minh's style	127

Tong Thi Phuong Thao - Protect the rights of women workers during pregnancy, childbirth and child rearing according to Vietnamese labor law	131
Luong Thi Hanh - The role of ethnic minority women in building new rural areas in Bac Kan province	137
Nguyen Thi Thanh Ha, Nguyen Thi Thu Hien - Some issues on building new ways of life for Vietnamese students nowadays	143
Ho Luong Xinh, Nguyen Thi Yen, Nguyen Thi Giang, Luu Thi Thuy Linh, Bui Thi Thanh Tam, Nguyen Manh Thang - Probability of improving farmer household income after agricultural land acquisition at industrial zones in Thai Nguyen province	149
Dinh Ngoc Lan, Doan Thi Thanh Hien, Duong Tuan Viet - Analyzing factors effect to production and consumption of canna in Nguyen Binh district - Cao Bang province	155
Do Thi Ha Phuong, Chu Thi Ha, Nguyen Thi Giang, Duong Xuan Lam - Investigating the effects of social capital and information technology on knowledge sharing intention and knowledge sharing behavior among employees in Thai Nguyen University	161
Nguyen Thi Hien Thuong, Duong Thi Thu Hoai, Cu Ngoc Bac, Kieu Thu Huong, Vu Thi Hai Anh - Research the contribution of cityzens to implement the imfrastructure criteria for new rural program in Phu Luong district, Thai Nguyen province	169
Vu Bach Diep, Mai Viet Anh - Some solutions for mobilizing capital for small and medium enterprises developing Thai Nguyen city	175
Nguyen Thi Ngoc Anh, Hoang Huyen Trang - Designing and using learning games in order to increase the effective teaching in oral advanced proficiency for chinese students at School of Foreign Languages, Thai Nguyen University	181
Tran Thi Yen, Khong Thi Thanh Huyen - Common sentence problems in academic writing committed by Vietnamese students of English: situation, causes and solutions	187
Ha Thi Thanh Hoa, Chu Thi Kim Ngan, Duong Thi Thuy Huong - The satisfaction of customers on the quality of Vinaphone mobile network service of Thai Nguyen province	193
Vu Thi Loan, Vu Thi Hau - The role of market stock price as a financial distress predictor: SVM model	199
Ho Thi Mai Phuong, Hoang Thi Tu, Tran Nguyet Anh - Design and organization of learning games in elementary school mathematical symbols for elementary school children	205
Dong Thi Hong Ngoc, Nguyen Quynh Hoa, Nguyen Thi Thu Huong, Hoang Thanh Hai, Nguyen Thi Thu Hang - Application of logistic models in rating credit of listed construction enterprices in Vietnam	211
Ha Thi Hoa, Ho Ngoc Son - Values chain analysis through consumption channels of Son tra in Yen Bai province	219